

## BIỂU PHÍ THẺ TÍN DỤNG QUỐC TẾ TPBANK VISA

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 165/2015/QĐ-TPB.NHCN ngày 15 tháng 03 năm 2015 của Tổng Giám đốc)*

STT	Khoản mục	Mức phí (đã bao gồm VAT)	Mức phí tối thiểu	Mức phí tối đa
1	Phí phát hành	Miễn phí		
2	Phí thường niên			
	Thẻ chính	• Thẻ chuẩn: 275.000 VNĐ		
		• Thẻ vàng: 495.000 VNĐ		
		• Thẻ Platinum: 770.000 VNĐ		
		• Thẻ MobiFone – TPBank Visa Platinum: o Miễn phí năm đầu tiên o Các năm tiếp theo: 990.000 VNĐ (miễn phí nếu chi tiêu tích lũy của năm trước đạt từ 60 triệu trở lên tính đến thời điểm thu phí thường niên năm tiếp theo)		
	Thẻ phụ	• Thẻ chuẩn: 220.000 VNĐ		
		• Thẻ vàng: 220.000 VNĐ		
		• Thẻ Platinum: 330.000 VNĐ		
• Thẻ MobiFone – TPBank Visa Platinum: 440.000 VNĐ				
3	Phí thay thế thẻ MobiFone – TPBank Visa Platinum (nếu KH yêu cầu phát hành lại thẻ do thay đổi thông tin Hội viên Kết Nối Dài Lâu)	55.000 VNĐ		
4	Phí phát hành lại thẻ (cong, gãy, thất lạc ...)	110.000 VNĐ		
5	Phí thay đổi sang hạng thẻ thấp hơn	110.000 VNĐ		
6	Phí phát hành lại PIN	33.000 VNĐ		

7	Phí thay đổi hình thức bảo đảm				
	· Từ ký quỹ sang tín chấp	110.000 VNĐ			
	· Từ tín chấp sang ký quỹ	Miễn phí			
8	Phí quản lý áp dụng cho giao dịch bằng ngoại tệ (đã bao gồm VAT và tính theo tỷ giá của tổ chức Visa tại thời điểm giao dịch) (*)	Giá trị các giao dịch ngoại tệ trong tháng	Thẻ chuẩn/ vàng	Thẻ Platinum/Thẻ MobiFone-TPBank Visa Platinum	
		Dưới 10 triệu	2.7%	2.5%	
		Từ 10 triệu đến dưới 20 triệu	2.2%	2.0%	
		Từ 20 triệu đến dưới 50 triệu	1.7%	1.5%	
		Trên 50 triệu trở lên	1.2%	1.0%	
9	Phí chậm thanh toán	4% số tiền chậm thanh toán		110.000 VNĐ	
10	Phí rút tiền mặt tại ATM	4% giá trị giao dịch		110.000 VNĐ	
11	Phí cung cấp bản sao hóa đơn				
	· Tại ĐVCNT của Ngân hàng	55.000 VNĐ			
	· Tại ĐVCNT của ngân hàng khác	88.000 VNĐ			
12	Phí gửi sao kê hàng tháng qua email	Miễn phí			
13	Phí gửi sao kê qua chuyển phát nhanh đến địa chỉ khách hàng	22.000 VNĐ/tháng			
14	Phí khiếu nại sai	220.000 VNĐ			
15	Phí cấp lại bản sao sao kê	55.000 VNĐ			
16	Phí yêu cầu xác nhận thông tin chủ thẻ	55.000 VNĐ			

17	Phí trả thẻ tận nơi theo yêu cầu của KH			
	· Từ 20km trở xuống (Tính từ CN/PGD)	110.000 VNĐ		
	· Trên 20km (Tính từ CN/PGD)	165.000 VNĐ		
18	Phí dịch vụ phát hành nhanh (3 ngày)	220.000 VNĐ		
19	Phí thay đổi hạn mức thẻ tín dụng	110.000 VNĐ		
20	Phí tăng hạn mức tín dụng thẻ tạm thời	110.000 VNĐ		
21	Phí thẩm định nếu trả lương qua tiền mặt (nếu khách hàng không thuộc các đơn vị Hành chính)	110.000 VNĐ		
22	Phí thẩm định cấp hạn mức yêu cầu của khách hàng (lớn hơn hạn mức quy định của Ngân)	220.000 VNĐ		
23	Phí tắt toán thẻ tín dụng trong vòng 12 tháng kể từ ngày mở	220.000 VNĐ		
24	Phí Ứng tiền từ thẻ tín dụng	2% số tiền chuyển đổi	110.000 VNĐ	
25	Phí hoàn hạn mức Ứng tiền từ thẻ tín dụng	Miễn phí		

#### HẠN MỨC GIAO DỊCH THẺ TÍN DỤNG QUỐC TẾ

STT	Nội dung	Hạn mức
1	<b>Hạn mức rút tiền mặt tối đa trong ngày</b>	Thẻ Chuẩn: Tối đa 20.000.000 VNĐ
		Thẻ Vàng: Tối đa 30.000.000 VNĐ
		Thẻ Platinum / Thẻ ĐTH MobiFone – TPBank Visa Platinum: bằng hạn mức rút tiền trong 01 chu kỳ tín dụng
	Hạn mức rút tiền mặt trong 01 chu kỳ tín dụng	50% hạn mức tín dụng

	Hạn mức rút tiền mặt tối đa cho một giao dịch tại ATM	Tại ATM TPBank: Thẻ chuẩn, thẻ vàng: 5.000.000 VNĐ Tại ATM TPBank: Thẻ Platinum/ Thẻ MobiFone – TPBank Visa Platinum: 15.000.000 VNĐ
2	<b>Hạn mức thanh toán thẻ</b>	
	Hạn mức giao dịch thẻ theo ngày	Tối đa bằng Hạn mức tín dụng của thẻ
	Hạn mức giao dịch từng lần	Bằng hạn mức tín dụng của thẻ
3	<b>Giao dịch thanh toán trực tuyến</b>	Thẻ chuẩn, thẻ vàng: - Tối đa 5.000.000 VNĐ/ giao dịch - Tối đa 10.000.000 VNĐ/ngày
		Thẻ Platinum Tối đa 20.000.000 VNĐ/ giao dịch Tối đa 40.000.000 VNĐ/ ngày

Quý khách có thể yêu cầu thay đổi hạn mức giao dịch. Vui lòng liên hệ Hotline: 1900 58 58 85 / 1800 58 58 85 / (04) 37 683 683

(\*) Lưu ý: Đối với phí quản lý áp dụng cho giao dịch bằng ngoại tệ, TPBank sẽ thực hiện thu mức phí áp dụng cho giá trị GD dưới 10 triệu tại thời điểm Khách hàng giao dịch. Nếu khách hàng đủ điều kiện để được giảm phí, TPBank hoàn lại cho khách hàng và thể hiện trong sao kê kỳ đó. Khách hàng từ chối ưu đãi, yêu cầu hủy Thẻ, đã hoặc đang hủy Thẻ trước hoặc vào ngày TPBank hoàn tiền vào Tài khoản Thẻ hiện tại sẽ không được nhận ưu đãi. Các chủ Thẻ chậm trả phí hoặc chậm trả các khoản dư nợ Thẻ vào ngày TPBank hoàn tiền vào Tài khoản Thẻ cũng sẽ không được nhận ưu đãi này.

(\*\*) Phí thường niên năm đầu tiên sẽ được thu tại thời điểm thẻ phát hành thành công trên hệ thống TPBank. Phí thường niên các năm tiếp theo sẽ thu vào tháng mở thẻ hàng năm (căn cứ vào thời hạn hiệu lực thẻ)